

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/KDTM-ST

Ngày 20/9/2019

“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Việt Oanh và ông Hồ Xuân Giao

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Cường – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/KDTM-ST ngày 05/3/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 08/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐH-TA ngày 25/4/2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2019/QĐST-KDTM ngày 13/5/2019 và Thông báo về việc tiếp tục tiến hành phiên tòa ngày 19/8/2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 18 đường T, phường M, quận T, thành phố Hà Nội.

+ *Đại diện theo Pháp luật:* Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

+ *Đại diện ký đơn khởi kiện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Ngọc T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh B Đắk Lắk.

+ *Đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Cao H – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch T trực thuộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh B ( Có mặt).

Địa chỉ: 58 đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**2. Bị đơn:** Ông Võ Văn M – Sinh năm: 1976 ( Có mặt)

Bà Đinh Thị Minh N – Sinh năm: 1975 ( Vắng mặt)

Đều trú tại: 63/29 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1 Hợp tác xã vận tải 1-5

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị D ( Vắng mặt)

Trú tại: 247 đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.2 Ông Trần Trọng H ( Vắng mặt)

Trú tại: 97 đường W, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3.3 Bà Cao Thị L ( Vắng mặt)

Trú tại: Thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3.4 Bà Hoàng Thị L ( Vắng mặt)

Trú tại: 14 liên gia 3, tổ dân phố 4, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.5 Ông Mai Quốc C ( Vắng mặt)

Trú tại: 302 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\*/ Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh B ông Nguyễn Cao H trình bày:***

Ngày 24/12/2010 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk nay là (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh B) – Phòng giao dịch T cho vợ chồng ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N vay số tiền 500.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 5200LAV201013785, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 20,4%/tháng. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay là kinh doanh xe khách.

Để đảm bảo cho khoản vay ông M và bà N đã thế chấp tài sản là cavec xe số 007020 của Hợp tác xã V biển số xe 47V-2447, xe khách nhãn hiệu Hyundai, màu sơn trắng, đỏ, số máy D6CA2055568, số khung 18SP2C908288 do công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/12/2010. Toàn bộ tài sản đã ký hợp đồng thế chấp động sản số

15/HĐTC ngày 21/12/2010 giữa Ngân hàng và ông M, bà N. Được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tại Đà Nẵng ngày 28/12/2010.

Quá trình vay vốn phía bà N và ông M chưa trả được khoản nợ gốc nào, đã trả lãi đến ngày 03/3/2011 với số tiền 51.850.000đ.

Năm 2012 Ngân hàng có đơn đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk xem xét hành vi làm thất thoát tài sản của nhà nước. Tuy nhiên, phía Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột có văn bản trả lời không có dấu hiệu tội phạm, Vì vậy nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M, bà N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 500.000.000đ nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 25/3/2019 là 1.146.848.334đ và tiếp tục tính lãi từ ngày 26/3/2019 cho đến khi trả xong nợ.

Hiện nay, Ngân hàng không biết xe ô tô biển số xe 47V-2447 do ai đang quản lý và cũng không biết xe ô tô này đang ở đâu. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị phía Hợp tác xã V cho biết về hiện trạng xe thế chấp.

Trường hợp ông M, bà N không thanh toán được nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

**\*/ Bị đơn bà Đinh Thị Minh N trình bày:** Ngày 20/5/2010 chồng tôi là ông Võ Văn M có chạy xe thuê cho ông Mai Quốc C ( hiện nay chúng tôi không biết ông C đang ở đâu, địa chỉ nào) với xe ô tô mang biển số xe 47V-2447, chạy tuyến Bắc - Nam, chúng tôi không biết xe trên đứng tên Hợp tác xã v.

Khi chồng tôi chạy xe cho ông C được một thời gian thì ông C nhờ chồng tôi lên Ngân hàng ký đáo hạn vì xe ô tô 47V-2447 đang thế chấp ở Ngân hàng chúng tôi hoàn toàn không biết việc chúng tôi có ký hợp đồng thế chấp ngày 24/12/2010 giữa Ngân hàng NN &PTNT Việt Nam – Phòng giao dịch T với vợ chồng tôi để vay số tiền 500.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 5200LAV201013785, thực tế chúng tôi cũng không nhận số tiền này.

Nay Ngân hàng khởi kiện vợ chồng tôi yêu cầu trả số nợ 500.000.000đ tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 25/3/2019 là 1.146.848.334đ và tiếp tục tính lãi từ ngày 26/3/2019 cho đến khi trả xong nợ, chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**\*/ Đồng bị đơn ông Võ Văn M trình bày:** Tôi đồng ý với ý kiến của vợ là bà Đinh Thị Minh N và không có ý kiến gì khác.

**\*/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

**\*/ Đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã v bà Hoàng Thị D trình bày:** Đối với chiếc xe ô tô mang biển số 47V-2447 đứng tên Hợp tác xã v. Xe do bà Hoàng Thị L là chủ sở hữu, ông M chỉ là lái xe thuê cho bà L. Sau khi bà L có đơn xin vào Hợp tác xã v ngày 20/12/2010. Hợp tác xã có quyết định kết nạp xã viên, tiếp nhận ô tô mang biển kiểm soát 47V-2447 vào hợp tác xã để tham gia kinh doanh vận tải, đồng thời cùng ngày Hợp tác xã v đã cùng xã viên ký cam kết kinh tế. Xe 47V-2447 mang

tên Hợp tác xã nhưng chủ sở hữu là bà L, và chủ sở hữu tự quản lý xe, vì vậy hiện nay, xe ô tô trên đang ở đâu thì phía Hợp tác xã không biết và không có nghĩa vụ khai báo cho Ngân hàng. Ngày 21/12/2010 đại diện Hợp tác xã v là ông Hoàng Danh K có ký thể chấp tài sản trên cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện phía Hợp tác xã thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:***

- ***Về tố tụng:*** Quá trình Điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên hồ sơ thụ lý ngày 05/3/2018 nhưng ngày 08/4/2019 Tòa án mới ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn ông Võ Văn M có mặt còn bà Đinh Thị Minh N vắng mặt tại phiên tòa là không chấp hành pháp luật vi phạm Điều 70, Điều 71; Điều 72; Điều 227; Điều 238 của BLTTDS.

- ***Về nội dung:*** Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 5200LAV201013785 ngày 24/12/2010 giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk nay là (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam C) – Phòng giao dịch T với bị đơn ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N thì đề nghị HĐXX áp dụng Điều 471; Điều 474; Điều 476 BLDS năm 2005; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 144; 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS năm 2015 để chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam buộc ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng 1.722.781.666 đồng. Trong đó: tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và lãi suất 1.222.781.666 đồng. Trường hợp ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N không thanh toán được khoản nợ trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:*** Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 30; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

***[2] Về thủ tục tố tụng:*** Bị đơn bà Đinh Thị Minh N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyệt và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

***[3] Về nội dung vụ án:***

Ngày 24/12/2010 vợ chồng ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk nay là (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam C) – Phòng giao dịch T số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) là có căn cứ được chứng minh qua hợp đồng tín dụng số 5200LAV201013785 ngày 24/12/2010. Vì vậy Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông M, bà N trả cho Ngân hàng 500.000.000 đồng là có căn cứ đúng pháp luật. Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, pháp luật của nhà nước. Theo nội dung hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết thì đến ngày 20/12/2011 vợ chồng ông M, bà N phải thanh toán cho nguyên đơn 200.000.000 đồng và ngày 20/12/2012 thanh toán 300.000.000 đồng nợ gốc nhưng đến nay phía bị đơn ông M, bà N mới trả cho nguyên đơn tiền lãi tính đến ngày 03/3/2011 với số tiền 51.849.999đ. Như vậy bị đơn vợ chồng ông M, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án thì vợ chồng ông M, bà N cho rằng ông C nhờ ông M lên Ngân hàng ký đáo hạn vì xe ô tô 47V-2447 đang thế chấp ở Ngân hàng chứ ông M, bà N không nhớ có việc ký hợp đồng tín dụng ngày 24/12/2010 giữa Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – Phòng giao dịch T với vợ chồng ông bà để vay số tiền 500.000.000đ, theo hợp đồng tín dụng số 5200LAV201013785 và ông bà cũng không nhận số tiền này. Tại biên bản làm việc ngày 25/3/2019 bà N xác định không ký hợp đồng tín dụng trên. Tuy nhiên bà N không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết của bà trong hợp đồng tín dụng. Tại phiên tòa ông M thừa nhận chữ ký, chữ viết của ông trong hợp đồng tín dụng và không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong hợp đồng tín dụng giữa vợ chồng ông và Ngân hàng. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp động sản thì việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, pháp luật của nhà nước. Vì vậy việc ông M, bà N cho rằng không vay số tiền trên là không có căn cứ và ông M, bà N cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc mình không vay số tiền trên ngoài hợp đồng tín dụng mà vợ chồng ông M, bà N đã ký kết với Ngân hàng. Do đó ông M, bà N cho rằng không ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch Tân Hòa để vay số tiền 500.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền vay gốc 500.000.000đ và toàn bộ lãi suất theo quy định. Nếu bị đơn ông M, bà N không trả được cho Ngân hàng thì đề nghị HĐXX căn cứ theo mục 3.2 Điều 3 của Hợp đồng thế chấp động sản số 15/HĐTC ngày 21/12/2010 để buộc Hợp tác xã v thực hiện việc trả nợ thay cho bị đơn ông M, bà N.

Xét yêu cầu của Ngân hàng là không có căn cứ, bởi lẽ ngày 21/12/2010 theo Hợp đồng thế chấp giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk nay là (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam C) - Phòng giao dịch T (Bên A), bên thế chấp là Hợp tác xã v (Bên B) và bên vay vốn là ông Võ Văn M, bà Đinh Thị Minh N (Bên C) và tại Mục 1.1 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp thì Bên B là chủ sở hữu hợp pháp tài sản là xe ô tô khách hiệu Hyundai 46 ghế, BS 47V-2447, màu sơn trắng, đỏ, cavec xe số 007020, số máy D6CA2055568, số khung 18SP2C908288 do công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/12/2010. Và tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp ... Bên B tự nguyện đem tài sản nói trên thế chấp cho bên A để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên C đối với Bên A. Theo đó nếu Bên C vợ chồng ông M, bà N không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền bán phát mãi tài sản mà Bên B là Hợp tác xã v đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Vì đây là Hợp đồng thế chấp tài sản chứ không phải là hợp đồng bảo lãnh, vì vậy Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Hợp tác xã v có trách nhiệm trả nợ thay cho bị đơn ông M, bà N là không có căn cứ.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk nay là (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam) là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự, Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để buộc bị đơn vợ chồng ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền vay gốc 500.000.000đ và toàn bộ lãi suất theo quy định là hoàn toàn có cơ sở pháp luật.

**Về lãi suất:** Xét hợp đồng vay tài sản các bên có thỏa thuận lãi suất 20.4%/năm và mức lãi suất quá hạn theo như thỏa thuận. Vì vậy tiền lãi được tính như sau:

***Lãi suất trong hạn đã trả:***

- Lãi suất trong hạn từ ngày 24/12/2010 đến ngày 24/6/2011 là 183 ngày:

$500.000.000đ \times 20.4\% \times 183 \text{ ngày} = 51.849.999 \text{ đồng (đã trả)}$

***Lãi suất trong hạn chưa trả:***

- Lãi suất trong hạn từ ngày 25/6/2011 đến ngày 20/9/2019 là 3.010 ngày:

$500.000.000đ \times 20.4\% \times 3.010 \text{ ngày} = 852.833.333 \text{ đồng.}$

***Lãi suất quá hạn chưa trả:***

Lãi suất quá hạn tính từ ngày 21/12/2011 đến ngày 20/12/2012 là 366 ngày:

$200.000.000đ \times 10.2\% \times 366 \text{ ngày} = 20.740.000 \text{ đồng.}$

Lãi suất quá hạn tính từ ngày 21/12/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/9/2019 là 2.465 ngày:

$200.000.000đ \times 10.2\% \times 2.465 \text{ ngày} = 349.208.333 \text{ đồng.}$

Tổng cộng tiền lãi vợ chồng ông M, bà N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được khấu trừ đi 51.849.999 đồng tiền lãi đã thanh toán. Cụ thể:

Tiền lãi 1.274.631.665 đ – 51.849.999 đ (đã thanh toán) = 1.222.781.666 đồng.

Như vậy, tổng số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh vợ chồng ông M, bà N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, khấu trừ đi số tiền lãi đã thanh toán là: 1.222.781.666 đ + 500.000.000 đ = 1.722.781.666 đồng.

Vợ chồng ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5200LAV201013785 ngày 24/12/2010 kể từ ngày 21/9/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Do vậy xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số nợ 1.722.781.666đ (Trong đó 500.000.000đ tiền gốc; 1.222.781.666 đồng tiền lãi) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5200LAV201013785 ngày 24/12/2010 kể từ ngày 21/9/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc là phù hợp với Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự. Cần chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp là cavec xe số 007020 của HTX v biển số xe 47V-2447, xe khách nhãn hiệu Huyndai, màu sơn trắng, đỏ, số máy D6CA2055568, số khung 18SP2C908288 do công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/12/2010. Toàn bộ tài sản đã ký hợp đồng thế chấp động sản số 15/HĐTC ngày 21/12/2010 giữa Ngân hàng và ông M, bà N. Được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tại Đà Nẵng ngày 28/12/2010. Do vậy trường hợp ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì tài sản thế chấp nêu trên được bán đấu giá để trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; Trường hợp ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N thực hiện trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam phải trả cho ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N là cavec xe số 007020 của Hợp tác xã v biển số xe 47V-2447, xe khách nhãn hiệu Huyndai, màu sơn trắng, đỏ, số máy D6CA2055568, số khung 18SP2C908288 do công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/12/2010 là phù hợp.

**Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí KDTM. Hoàn trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 27.987.000 đồng do bà Ngô Thị Quỳnh N nộp thay theo biên lai số 0003241 ngày 12/2/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị đơn vợ chồng ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N phải chịu toàn bộ án phí KDTM là 63.683.450 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS 2015.

- Căn cứ các Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 342; Điều 348; Điều 349; Điều 350; Điều 351; Điều 355 BLDS năm 2005.

- Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc vợ chồng ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền 1.722.781.666đ (Trong đó 500.000.000đ tiền gốc; 1.222.781.666 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 20/9/2019) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5200LAV201013785 ngày 24/12/2010 kể từ ngày 21/9/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trường hợp ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì tài sản thế chấp là cavec xe số 007020 của HTX v biển số xe 47V-2447, xe khách nhãn hiệu Huyndai, màu sơn trắng, đỏ, số máy D6CA2055568, số khung 18SP2C908288 do công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/12/2010. Toàn bộ tài sản đã ký hợp đồng thế chấp động sản số 15/HĐTC ngày 21/12/2010 giữa Ngân hàng và ông M, bà N. Được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tại Đà Nẵng ngày 28/12/2010 thì tài sản thế chấp nêu trên được bán đấu giá để thu hồi nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; Trường hợp ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N thực hiện trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam phải trả cho ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N là cavec xe số 007020 của Hợp tác xã v biển số xe 47V-2447, xe khách nhãn hiệu Huyndai, màu sơn trắng, đỏ, số máy D6CA2055568, số khung 18SP2C908288 do công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/12/2010.

- ***Về án phí:*** Bị đơn vợ chồng ông Võ Văn M và bà Đinh Thị Minh N phải chịu 63.683.450đ đồng (Sáu mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ba ngàn, bốn trăm năm mươi đồng) án phí KDTM.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 27.987.000 đồng do bà Ngô Thị Quỳnh N nộp thay theo biên



lai số 0003241 ngày 12/2/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thì thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- CCTHADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Thị Thanh**

